



Số: /SoXD-QLKC&ATGT
V/v công bố tải trọng, khổ giới hạn
đường bộ

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: UBND tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại Văn bản số 2292/UBND-KTN ngày 03/8/2025 về việc công bố, cập nhật tải trọng, khổ giới hạn đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ;

Căn cứ Văn bản số 3501/CĐBVN-QLBT ngày 24/7/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc thực hiện công bố, cập nhật tải trọng, khổ giới hạn đường bộ;

Căn cứ báo cáo số liệu tải trọng, khổ giới hạn đường bộ của các đơn vị: Trung tâm Quy hoạch, kiểm định xây dựng và Bảo trì Đường bộ, Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, Công ty Cổ phần Đầu tư BOT An Thuận Phát, Công ty BOT 319 Cường Thuận CTI, Công ty Cổ phần ĐTXD Cơ sở hạ tầng Bình Phước, Công ty Cổ phần BOT An Lộc - Hoa Lư, Công ty TNHH BOT Đồng Xoài - Bàu Trư, Công ty Cổ phần Kinh doanh BOT đường ĐT.741.

Sau khi rà soát, Sở Xây dựng kính báo cáo UBND tỉnh số liệu về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương (*Đính kèm phụ lục*);

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư 12/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng kính đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai công bố về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc phạm vi quản lý và đường chuyên dùng có hoạt động giao thông công cộng trên **Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh**./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLKC&ATGT
(Hoàng)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Văn Hiếu

PHỤ LỤC

(Kèm theo Văn bản số /SoXD-QLKC&ATGT ngày tháng năm 2025 của Sở Xây dựng)

NỘI DUNG CÔNG BỐ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN CỦA ĐƯỜNG BỘ**I. CÁC TUYẾN, ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG BỘ ĐÃ VÀO CẤP**

TT	Tên đường (quốc lộ, cao tốc,...)	Tỉnh/thành phố	Cấp kỹ thuật hiện tại của đường bộ		Chiều dài (Km)	Thông tin cơ bản về tuyến, đoạn tuyến (gồm: chiều rộng mặt đường, số làn đường theo từng chiều đường)	Ghi chú
			ĐB	MN			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A. CÁC TUYẾN QUỐC LỘ							
1	QL1	Đồng Nai	III		19,35		
	Đoạn 1				11	Km1851+714 - Km1862+800: Chiều rộng mặt đường 16m; Đường có dải phân cách giữa, mỗi bên có 02 làn gồm 01 làn cơ giới và 01 làn hỗn hợp.	
	Đoạn 2				8,35	Km1862+600 - Km1871+150: Chiều rộng mặt đường 22m; Đường có dải phân cách giữa, mỗi bên có 02 làn xe cơ giới + 01 làn xe thô sơ.	
2	QL20	Đồng Nai	III		75,1		
	Đoạn 1				2	Km0+0000 - Km2+000: Chiều rộng mặt đường 19.5m; Đường có dải phân cách giữa, mỗi bên có 03 làn xe gồm 02 làn cơ giới và 01 làn xe thô sơ,	

	Đoạn 2				21	Km2+000 - Km23+000: Chiều rộng mặt đường 14m; mỗi bên có 02 làn xe (01 làn dành cho xe ô tô và 01 làn dành cho xe mô tô, xe gắn máy và xe thô sơ)	
	Đoạn 3				52,1	Km23+000 - Km75+100: Chiều rộng mặt đường 11m; mỗi bên có 02 làn xe (01 làn dành cho xe ô tô xe mô tô, 01 làn dành cho xe mô tô, xe gắn máy và xe thô sơ)	
3	QL51	Đồng Nai	II		37,402	Chiều rộng mặt đường từ 23,0m đến 36,4m; Đoạn đường gồm 2 chiều đường xe chạy, mỗi bên gồm 4 làn xe, cụ thể: 03 làn xe cơ giới và 01 làn dành cho xe mô tô, xe gắn máy và xe thô sơ,	
4	QL56	Đồng Nai	III		18,02	Chiều rộng mặt đường 12m, mỗi bên có 02 làn xe (gồm 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ.)	
5	QL13	Đồng Nai			76,42		
	Đoạn 1 - BOT		II		32,3	Đoạn từ Km62+700 - Km95+000: Chiều rộng mặt đường 25m; Đường có dải phân cách giữa phân chia 2 chiều xe chạy, mỗi bên có 02 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ.	
	Đoạn 2		II		2,667	Đoạn từ Km95+000 - Km97+667,5: Chiều rộng mặt đường 25m. Đường có dải phân cách giữa phân chia 2 chiều xe chạy, mỗi bên có 02 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ.	
	Đoạn 3 - BOT		III		26,75	Đoạn từ Km97+667,5 đến Km127+500: Chiều rộng mặt đường 19m, mỗi bên có 02 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ.	
	Đoạn 4		III		14,7	Đoạn từ Km127+500 đến Km142+200: Đang bàn giao giao để thực hiện đầu tư xây dựng	
6	QL14C	Đồng Nai	IV		43		
	Đoạn 1				17,52	Đoạn từ Km413+261 đến Km430+781: Chiều rộng mặt đường 4,5m. Không phân làn	

	Đoạn 2				25,48	Đoạn từ Km430+781 đến Km456+261: Chiều rộng mặt đường 9m, mỗi bên có 01 làn xe	
B. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH							
1	ĐT.741	Đồng Nai			84,79		
	Đoạn 1		III		68,53	Đoạn từ Km49+670 đến Km118+200: Mặt đường 26m, mỗi bên có 03 làn xe	
	Đoạn 2			III	3,795	Đoạn từ Km125+885 đến Km129+680: Mặt đường 23m, mỗi bên có 03 làn xe	
	Đoạn 3			III	12,47	Các đoạn còn lại: Mặt đường 9m, mỗi bên có 01 làn xe	
2	ĐT.751	Đồng Nai			15,08		
	Đoạn 1		III		3,12	Đoạn từ Km0+000 đến Km3+120: Mặt đường 11m, mỗi bên có 02 làn xe (01 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ)	
	Đoạn 2		III		11,96	Đoạn từ Km3+120 đến cuối tuyến: Mặt đường 18m, mỗi bên có 03 làn xe	
3	ĐT.752	Đồng Nai			17,60		
	Đoạn 1		III		5,30	Đoạn từ Km0+000 đến Km5+300: Mặt đường 19m, mỗi bên có 03 làn xe	
	Đoạn 2		IV		12,30	Đoạn từ Km5+300 đến Km17+600: Mặt đường 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
4	ĐT.753	Đồng Nai			29,40		

	Đoạn 1			III	13,00	Đang thi công đoạn từ Km0+000 đến km13+000	
	Đoạn 2			IV	16,40	Đoạn từ Km13+000 đến cuối tuyến: Mặt đường 7m, mỗi bên có 01 làn xe	
5	ĐT.754	Đồng Nai		IV	12,25	Mặt đường 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
6	ĐT.754B	Đồng Nai		IV	9,92	Mặt đường 7m, mỗi bên có 01 làn xe	
7	ĐT.755	Đồng Nai			37,90		
	Đoạn 1			IV	25,494	Đoạn từ Km0+000 đến Km25+494: Mặt đường 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 2			V	12,41	Đoạn từ Km25+494 đến cuối tuyến: Mặt đường 4,5m, Không phân làn	
8	ĐT.755B	Đồng Nai		IV	33,60	Mặt đường 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
9	ĐT.756	Đồng Nai		III	49,99	Mặt đường 6m-8m, mỗi bên có 01 làn xe	
10	ĐT.756C	Đồng Nai		III	18,5	Mặt đường 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
11	ĐT.757	Đồng Nai			35,97		
	Đoạn 1		IV		1,37	Đoạn từ Km0+000 đến Km1+370: Mặt đường 12m, mỗi bên có 02 làn xe (01 làn xe cơ giới và 1 làn xe thô sơ)	
	Đoạn 2		IV		4,563	Đoạn từ Km1+370 đến Km5+933: Mặt đường 7m, mỗi bên có 01 làn xe	

	Đoạn 3		IV		0,818	Đoạn từ Km5+933 đến Km6+751: Mặt đường 10,5m, mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 4		IV		34,596	Đoạn từ Km6+751 đến cuối tuyến: Mặt đường 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
12	ĐT.758	Đồng Nai			36,9		
	Đoạn 1		IV		24,300	Đoạn từ Km0+000 đến Km24+300: Mặt đường 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 2		IV		2,9	Đoạn từ Km24+300 đến Km27+200 Trùng ĐT.756: Mặt đường 8m, mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 3		IV		9,7	Đoạn từ Km27+200 đến Km36+900: Mặt đường 9m, mỗi bên có 01 làn xe	
13	ĐT.759	Đồng Nai			48,997		
	Đoạn 1		IV		15,784	Đoạn từ Km0+000 đến Km15+784: Mặt đường 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 2		III		5,533	Đoạn từ Km15+784 đến Km21+317: Mặt đường 9m, mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 3		III		2,283	Đoạn từ Km21+317 đến Km23+600: Mặt đường 19m, mỗi bên có 03 làn xe (2 làn xe cơ giới và 1 làn xe thô sơ)	
	Đoạn 4		III		25,397	Đoạn từ Km23+600 đến Km48+997: Mặt đường 9m, mỗi bên có 01 làn xe	
14	ĐT.759B	Đồng Nai			40,450		
	Đoạn 1		II		24,25	Đoạn từ Km0+000 đến Km24+250: Mặt đường 19m, mỗi bên có 03 làn xe (2 làn xe cơ giới và 1 làn xe thô sơ)	

	Đoạn 2		II		1,930	Đoạn từ Km24+250 đến Km26+180: Mặt đường 20m, mỗi bên có 03 làn xe (2 làn xe cơ giới và 1 làn xe thô sơ)	
	Đoạn 3		III		3,795	Đoạn từ Km26+180 đến Km29+975: Mặt đường 12m, mỗi bên có 02 làn xe (1 làn xe cơ giới và 1 làn xe thô sơ)	
	Đoạn 4		II		8,775	Đoạn từ Km29+975 đến Km38+750: Mặt đường 25m, mỗi bên có 03 làn xe	
	Đoạn 5		IV		1,700	Đoạn từ Km38+750 đến Km40+450: Mặt đường 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
15	ĐT.760	Đồng Nai		IV	51,63		
	Đoạn 1				32,47	Đoạn từ Km0+000 đến Km32+470: Mặt đường 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 2				19,16	Đoạn từ Km32+470 đến Km51+630: Mặt đường 9m, mỗi bên có 01 làn xe	
16	ĐT.761	Đồng Nai	IV		37,266	Mặt đường rộng 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
17	ĐT.762	Đồng Nai	IV		20,5		
	Đoạn 1				15,2	Mặt đường rộng 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 2				5,3	Mặt đường rộng 8m, mỗi bên có 01 làn xe	
18	ĐT.763	Đồng Nai	III		29,429		
	Đoạn 1				5,2	Đoạn từ Km0+000 đến Km5+200: Mặt đường rộng 8m; mỗi bên có 01 làn xe hỗn hợp.	

	Đoạn 2				3,1	Đoạn từ Km5+200 đến Km8+300: Mặt đường rộng 11m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ.	
	Đoạn 3				21,129	Đoạn từ Km8+300 đến Km29,429: Mặt đường rộng 8m; mỗi bên có 01 làn xe hỗn hợp.	
19	ĐT.764	Đồng Nai			18,86		
	Đoạn 1		III		1,45	Mặt đường rộng 11m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ.	
	Đoạn 2		IV		17,41	Mặt đường rộng 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
20	ĐT.765	Đồng Nai			28,298		
	Đoạn 1		III		3,8	Mặt đường rộng 12m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ.	
	Đoạn 2		III		6,2	Mặt đường rộng 11m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ.	
	Đoạn 3		IV		18,298	Mặt đường rộng 8m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới.	
21	ĐT.765B	Đồng Nai			27		
	Đoạn 1		IV		3,939	Mặt đường rộng 6m, mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 2		IV		8,9	Mặt đường rộng 7m, mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 3		IV		6,183	Mặt đường rộng 7m, mỗi bên có 01 làn xe	

	Đoạn 4		IV		7,978	Mặt đường rộng 7m, mỗi bên có 01 làn xe	
22	ĐT.766	Đồng Nai	III		11,782	Mặt đường rộng 11m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ	
23	ĐT.767	Đồng Nai			24,12		
	Đoạn 1		III		2,064	Mặt đường rộng 14m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe hỗn hợp	
	Đoạn 2		III		14,69	Mặt đường rộng 11m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ	
	Đoạn 3		III		1,086	Mặt đường rộng 21m; mỗi bên có 02 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ	
	Đoạn 4		III		1,11	Mặt đường rộng 12m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ	
	Đoạn 5		IV		5,17	Mặt đường rộng 6m; mỗi bên có 01 làn xe	
24	ĐT.768	Đồng Nai	III		20,915	Mặt đường rộng 9,5m; mỗi bên có 01 làn xe	
25	ĐT.769	Đồng Nai			33,212		
	Đoạn 1		IV		0,75	Mặt đường rộng 9m; mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 2		IV		14,758	Mặt đường rộng 8m; mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 3		III		18,454	Mặt đường rộng 11m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ	

26	ĐT.769B	Đồng Nai	III		33,212	Mặt đường rộng 11m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ	
27	ĐT.769C	Đồng Nai	(IV, III, I)		14,972	Tuyến đường đang thực hiện nâng cấp, mở rộng	
28	ĐT.770	Đồng Nai	IV		11,3	Mặt đường rộng 6m; mỗi bên có 01 làn xe	
29	ĐT.771	Đồng Nai	I		7,04	Mặt đường rộng 33m; có dải phân cách giữa; mỗi bên có 3 làn xe cơ giới và 01 làn xe hỗn hợp	
30	ĐT.772	Đồng Nai			16,695		
	Đoạn 1		IV		0,84	Mặt đường rộng 7m; mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 2		IV		15,855	Mặt đường rộng 6m; mỗi bên có 01 làn xe	
31	ĐT.773	Đồng Nai			24,486		
	Đoạn 1		I		2,156	Mặt đường rộng 33m; có dải phân cách giữa, phân cách biên; mỗi bên có 3 làn xe cơ giới (tuyến chính) và 01 làn xe hỗn hợp (song hành)	
	Đoạn 2		III		20,78	Mặt đường rộng 11m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ	
	Đoạn 3 (tuyến nhánh)		V		1,55	Mặt đường rộng 6m; mỗi bên có 01 làn xe	
32	ĐT.774	Đồng Nai	V		4,7	Mặt đường rộng 5m	
33	ĐT.774B	Đồng Nai			56,2	Đang có dự án nâng cấp, mở rộng	

	Đoạn 1		V		1,5	Mặt đường rộng 6m; mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 2				3,5	Đang thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng	
	Đoạn 3		V		30,9	Mặt đường rộng 6m; mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 4		IV		20,3	Mặt đường rộng 7m; mỗi bên có 01 làn xe	
34	ĐT.775	Đồng Nai			13,154		
	Đoạn 1		II		1	Mặt đường rộng 15m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe hỗn hợp	
	Đoạn 2		III		7	Mặt đường rộng 11m; mỗi bên có 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ	
	Đoạn 3		IV		5,154	Mặt đường rộng 8m; mỗi bên có 01 làn xe	
35	ĐT.776	Đồng Nai			18,45		
	Đoạn 1		V		6,5	Mặt đường rộng 6m; mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 2		V		11,95	Mặt đường rộng 5m	
36	ĐT.777	Đồng Nai	IV		20,1	Mặt đường rộng 7m; mỗi bên có 01 làn xe	
37	ĐT.778	Đồng Nai	IV		4,5	Mặt đường rộng 6m; mỗi bên có 01 làn xe	

38	ĐT.779	Đồng Nai			11,164		
	Đoạn 1		V		4,518	Mặt đường rộng 6m; mỗi bên có 01 làn xe	
	Đoạn 2		IV		6,646	Mặt đường rộng 7m; mỗi bên có 01 làn xe	
39	322B	Đồng Nai	IV		2,6	Mặt đường rộng 6m; mỗi bên có 01 làn xe	
40	319 Nối dài - BOT	Đồng Nai	II		9,46	- Tuyến chính dài 2,39 km; chiều rộng mặt đường 14m, mỗi bên 02 làn xe; - Các nhánh rẽ dài 7,07km; chiều rộng mặt đường 6,5m; gồm 01 làn xe 3,5m và 01 làn dừng tránh xe.	
41	ĐT.768-BOT	Đồng Nai	IV		16,82	- Đoạn từ Km3+978 - Km6+058: Chiều rộng mặt đường 14m; mỗi bên có 02 làn gồm 01 làn cơ giới và 01 làn hỗn hợp; - Đoạn từ Km6+058 - Km18+978: Chiều rộng mặt đường 9,5m; mỗi bên có 01 làn xe hỗn hợp; - Đoạn từ Km18+978 - Km20+802,12: Chiều rộng mặt đường 14m; mỗi bên có 02 làn gồm 01 làn cơ giới và 01 làn hỗn hợp.	
42	Đường Đồng Khởi (BOT)	Đồng Nai			6,17		
	Đoạn từ ngã tư Tân Phong đến ngã ba Thiết Giáp		III		1,52	Chiều rộng mặt đường 20m; Đường có dải phân cách bê tông rộng 2m; mỗi bên có 02 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ	
	Đoạn từ ngã ba Thiết Giáp đến đường 768		IV		4,65	Chiều rộng mặt đường 12m; mỗi bên có 02 làn xe gồm 01 làn cơ giới và 01 làn hỗn hợp	

43	Đường dẫn lên cầu Thủ Biên (BOT)	Đồng Nai	III		0,86	Chiều rộng mặt đường 14m; mỗi bên 1 làn xe cơ giới, 1 làn xe thô sơ.	
44	Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng tại phường Phước Tân và phường Tam Phước (BOT)	Đồng Nai	IV		5,952	- Tuyến chính từ Km0+00 - Km5+624 Đường chuyên dùng: Chiều rộng mặt đường 7,50m; mỗi bên 1 làn xe - Tuyến nhánh (giao với tuyến chính ở Km1+465,8) từ Km0+00 - Km0+328. Chiều rộng mặt đường 6,00m; mỗi bên 01 làn xe	
45	ĐT.771C (BOT)	Đồng Nai	II		4,29	Km5+578,22 - Km9+868,92: Chiều rộng mặt đường 15m, mỗi bên có 02 làn xe (gồm 01 làn xe cơ giới và 01 làn xe hỗn hợp)	

II. CÁC VỊ TRÍ HẠN CHẾ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN TRÊN ĐƯỜNG BỘ

STT	Tên đường (quốc lộ, cao tốc,...)	Lý trình (từ Km đến Km)	Tỉnh/thành phố	Cấp đường		Thông tin hạn chế tải trọng, khổ giới hạn của đường			Lý do hạn chế	Ghi chú
				ĐB	MN	Tình trạng tải trọng (tấn)	Chiều rộng hạn chế (m)	Chiều cao hạn chế (m)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
A. CÁC TUYẾN QUỐC LỘ										
1	QL51		Đồng Nai	II						

		Km0+900 đến Km2+500						$\leq 2,5m$	Đoạn đường dành riêng cho xe mô tô, xe gắn máy và xe thô sơ nên hạn chế xe tải trọng lớn chạy vào (đoạn đường có DPC biên phân cách xe ô tô và xe máy)	Trái tuyến
		Km8+300 đến Km8+450						$\leq 3,0m$	Đoạn đường thường xuyên xảy ra tai nạn giữa xe ô tô và xe máy, nên đã gắn DPC biên phân làn xe ô tô và xe máy, đồng thời hạn chế các xe có tải trọng lớn chạy vào làn xe máy	Phải tuyến
		Km7+950 đến Km8+150						$\leq 3,0m$	Đoạn đường thường xuyên xảy ra tai nạn giữa xe ô tô và xe máy, nên đã gắn DPC biên phân làn xe ô tô và xe máy, đồng thời hạn chế các xe có tải trọng lớn chạy vào làn xe máy	Trái tuyến
2	QL13		Đồng Nai	II						
		Km97+667,5 đến Km127+500					7,5	$\leq 4,75m$	Qua Trạm thu phí Thanh Lương	
		Km107+62,7	Đồng Nai	II				$\leq 4,75m$	Đi qua cầu Cần Lê tại lý trình Km107+62,7	
		Km118+547,46	Đồng Nai	II			3m/làn	$\leq 4,75m$	Đi qua cầu Mua tại lý trình Km118+547,46	
B. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH										
1	ĐT.765	Từ Km2+300 đến Km2+500	Đồng Nai	III				$\leq 4,5m$	Đi dưới cầu vượt Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết	
		Km7+795					6,5		Đi qua cầu Cầu Suối Đá	
		Km8+490					6,5		Đi qua cầu Cầu Đá Bàn	

		Km10+505					6		Đi qua cầu Cầu Suối Sách	
2	ĐT.766	Km1+023	Đồng Nai	III			10		Đi qua cầu Phước Hưng	
3	ĐT.768	Km18+118,91	Đồng Nai	III			6		Đi qua cầu Cây Khô	BOT
		Từ Km18+978 đến Km20+802	Đồng Nai	III				<=4,75m	Đi dưới cầu Thủ Biên	BOT
4	ĐT.769									
		Km11+250	Đồng Nai	III			7		Đi qua cầu Suối Bí	
		Km15+140	Đồng Nai	III			6		Đi qua cầu Cái Hảo	
		Km17+250	Đồng Nai	III			6,9		Đi qua cầu An Viễn	
		Km26+233	Đồng Nai	III			9,72		Đi qua cầu Bình Sơn 2	
5	ĐT.769B									
		Km15+400	Đồng Nai	III			7		Đi qua cầu Giang Lò	
		Km26+524	Đồng Nai	III			7,5		Đi qua cầu Phước Thiện	
6	ĐT.772									
		Km1+000	Đồng Nai	IV			4,5		Đi qua cầu Gió Bay	
		Km14+617	Đồng Nai	IV			4,5		Đi qua cầu Bốn Thước	
7	ĐT.773	Từ Km19+343 đến Km19+505	Đồng Nai	III				<=4,00m	Đi qua cống chui Cao tốc Tp. HCM – Long Thành – Dầu Giây	
8	ĐT.774B									
		Km33+100	Đồng Nai	V			4		Đi qua cầu Số 1	
		Km36+200	Đồng Nai	V			4		Đi qua cầu Số 2	
9	ĐT.779	Km4+530	Đồng Nai	IV			4,75		Đi qua cầu Sông Ray	
10	319 Nối dài	Từ Km0+686.58 đến Km1+086.23 (tuyến chính Nhánh cầu vượt cao tốc)	Đồng Nai	II				<=5,0m	Đi dưới cầu vượt Cao tốc Tp. HCM – Long Thành – Dầu Giây	BOT

III. CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN

STT	Tên đường (quốc lộ, cao tốc,...)	Lý trình	Tỉnh/thành phố	Cầu hạn chế tải trọng, khổ giới hạn			Tình trạng khổ giới hạn	Ghi chú
				Tên cầu	Tải trọng thiết kế	Tình trạng tải trọng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. CÁC TUYẾN QUỐC LỘ								
1	QL1		Đồng Nai					
		Km1864+184		Cầu Hang	HS25-44	26-40-45		
		Km1866+530		Suối Linh	HS25-44	26-40-45		
2	QL13		Đồng Nai					
		Km69+416		Cầu Bến Đình	H30-XB80	32-48-45		
		Km107+62,7		Cầu Cần Lê	H30-XB80	30-40-45	Hạn chế chiều cao 4,75m	
		Km118+547,46		Cầu Mua	HL93	34-48-45	Chiều rộng hạn chế 3m/làn; Chiều cao hạn chế 4,75m	
3	QL14C	Km436+852	Đồng Nai	Đăk Ô		25		

B. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH								
1	ĐT.761		Đồng Nai					
		Km7+890		Cầu Km8	H30-XB80	30-48-45		
		Km29+730		Cầu Suối Ràng	H30-XB80	30-48-45		
		Km30+530		Cầu Suối Cóp 1	H30-XB80	30-48-45		
		Km34+850		Cầu Suối Cóp 2	H30-XB80	30-48-45		
2	ĐT.763		Đồng Nai					
		Km10+571		Cầu Rết	H30-XB80	34-48-45		
		Km12+406		Cầu Tầm Rông	H30-XB80	34-48-45		
		Km24+967		Cầu Tam Bung	H30-XB80	34-48-45		
3	ĐT.765		Đồng Nai					
		Km3+800		Cầu Lang Minh 2	H30-XB80	30-48-45		
		Km7+795		Cầu Suối Đá	H30-XB80	30-48-45	Chiều rộng hạn chế 6,5/11m	
		Km8+490		Cầu Đá Bàn	H30-XB80	30-48-45	Chiều rộng hạn chế 6,5/11m	
		Km10+505		Cầu Suối Sách	H30-XB80	25-38-45	Chiều rộng hạn chế 6/8m	
		Km14+380		Cầu Suối Lức	H30-XB80	30-48-45		

		Km14+349		Cầu Suối Nhất	H30-XB80	30-48-45		
		Km14+679		Cầu Suối Thê	H30-XB80	30-48-45		
		Km21+700		Cầu Suối Đá	H30-XB80	30-48-45		
4	ĐT.765B		Đồng Nai					
		Km3+932		Cầu Suối Hai		30-45-45		
		Km11+804		Cầu Bảo Bình		30-48-45		
		Km16+341		Cầu Suối Nhất		16-38-27		
5	ĐT.766		Đồng Nai					
		Km1+023		Cầu Phước Hưng	H30-XB80	30-48-45	Chiều rộng hạn chế 10/11m	
		Km10+396		Cầu Cây số 10	H30-XB80	30-48-45		
6	ĐT.767		Đồng Nai					
		Km6+416		Cầu Bản	H30-XB80	34-48-45		
		Km7+350		Cầu Sông Thao	H30-XB80	30-40-45		
		Km11+346		Cầu Đá Kè	H30-XB80	34-48-45		
		Km15+501		Cầu Bản	H30-XB80	34-48-45		
		Km19+300		Cầu Đồng Nai	HS20-44	20-25-29		

		Km22+680		Cầu Chiến Khu D	HS20-44	25-38-45		
7	ĐT.768		Đồng Nai					
		Km4+827,01		Rạch Góc	H30-XB80	32-40-45		
		Km12+702,92		Tân Trạch	H30-XB80	31-44-45		
		Km14+947,33		Ông Hường	HL93	32-46-45		
		Km18+118,91		Cây Khô	H30-XB80	30-42-45	Chiều rộng hạn chế 6/9,5m	
		Km19+230,48		Rạch Tôm (trái tuyến)	H30-XB80	25-33-40		
		Km19+230,48		Rạch Tôm (phải tuyến)	HL93	31-42-45		
		Km19+753,38		Rạch Đông (trái tuyến)	HL93	30-41-45		
		Km19+753,38		Rạch Đông (phải tuyến)	H30-XB80	34-40-45		
		Km22+100		Cầu Rạch Lăng	H30-XB80	30-48-45		
		Km23+050		Cầu Đại An	H30-XB80	30-48-45		
		Km26+650		Cầu Chùm Bao	H30-XB80	30-48-45		
		Km28+200		Cầu Ông Tổng	H30-XB80	30-48-45		
		Km29+100		Cầu Bà Giá	H30-XB80	30-48-45		
		Km30+600		Cầu Rạch Cát	H30-XB80	30-48-45		

		Km37+700		Cầu suối Sỏi	H30-XB80	30-48-45		
		Km38+300		Cầu suối Sâu	H30-XB80	30-48-45		
8	ĐT.769		Đồng Nai					
		Km11+250		Cầu Suối Bí	H30-XB80	30-48-45	Chiều rộng hạn chế 7/8m	
		Km15+140		Cầu Cái Hào	H30-XB80	34-48-45	Chiều rộng hạn chế 6/8m	
		Km17+250		Cầu An Viễn	H30-XB80	34-48-45	Chiều rộng hạn chế 6,9/11m	
		Km22+470		Cầu Bản Km22	H30-XB80	30-48-45		
		Km22+830		Cầu Bình Sơn 1	H30-XB80	30-48-45		
		Km26+233		Cầu Bình Sơn 2	H30-XB80	30-48-45	Chiều rộng hạn chế 9,72/11m	
9	ĐT.769B		Đồng Nai					
		Km3+807,55		Cầu Phước Lý	H30-XB80	34-48-45		
		Km15+400		Cầu Giang Lò	H30-XB80	30-48-45	Chiều rộng hạn chế 7/11m	
		Km26+524		Cầu Phước Thiện	H30-XB80	30-48-45	Chiều rộng hạn chế 7,5/11m	
10	ĐT.769C		Đồng Nai					
		Km1+900		Cầu Bà Ký	H30-XB80	25-41-45		
11	ĐT.770		Đồng Nai					

		Km2+068		Cầu Số 1	H30-XB80	34-48-45		
		Km5+868		Cầu Số 2	H30-XB80	34-48-45		
		Km8+448		Cầu Số 3	H30-XB80	25-35-40		
12	ĐT.772		Đồng Nai					
		Km1+000		Cầu Gió Bay		18-26-37	Chiều rộng hạn chế 4,5/6m	
		Km4+794		Cầu Gia Lào		18-30-38		
		Km6+140		Cầu Bản		18-30-38		
		Km6+524		Cầu Bản 2		18-30-38		
		Km14+617		Cầu Bốn Thước		18-29-38	Chiều rộng hạn chế 4,5/6m	
13	ĐT.774B		Đồng Nai					
		Km33+100		Cầu số 1		18-33-42	Chiều rộng hạn chế 4/5m	
		Km36+200		Cầu số 2		18-32-39	Chiều rộng hạn chế 4/5m	
		Km38+800		Cầu số 3		18-26-32		
		Km40+200		Cầu số 4		18-33-43		
		Km45+200		Cầu số 5		18-32-41		
14	ĐT.776		Đồng Nai					

		Km19+900		Cầu Năng Cô		18-28-36		
		Km21+090		Cầu Suối Vác		18-28-36		
		Km29+160		Cầu Số 1		13-20-25		Đang thực hiện dự án sửa chữa
		Km34+130		Cầu Số 2		13-18-21		Đang thực hiện dự án sửa chữa
		Km43+130		Cầu Suối Đục		13-19-22		Đang thực hiện dự án sửa chữa
15	ĐT.777		Đồng Nai					
		Km4+311		Cầu Suối Tre	H30-XB80	30-48-45		
		Km7+968		Cầu An Viễn	H30-XB80	30-48-45		
16	ĐT.779		Đồng Nai					
		Km1+117		Cầu Đàm Riêng		16-38-37		
		Km4+530		Cầu Sông Ray		10-18-17	Chiều rộng hạn chế 4,75/7m	
17	ĐT.741							
		Km88+564	Đồng Nai	Cầu Suối Rạt	H30-XB80	Đang thực hiện Kiểm định		BOT
		Km115+200	Đồng Nai	Cầu Suối Dung	H30-XB80	Đang thực hiện Kiểm định		BOT

		Km133+200	Đồng Nai	Cầu Phú Nghĩa		30-48-45		
18	ĐT.755	Km1+980	Đồng Nai	Cầu số 1		18-24-30		
19	ĐT.755	Km4+540	Đồng Nai	Cầu số 2		15-23-28		
20	ĐT.755	Km5+750	Đồng Nai	Cầu số 3		18-28-36		
21	ĐT.759	Km41+350	Đồng Nai	Cầu Đakia		30-48-45		
22	ĐT.760		Đồng Nai					
		Km1+657		Cầu Đăk Lấp		15-21-22		
		Km4+377		Cầu số 5		25-35-39		
		Km33+864		Cầu Đăk Ớ II		18-18-20		
23	Đường chuyên dùng	Km0+169,59 (cầu trên tuyến nhánh)	Đồng Nai	Cầu Sông Buông 2		30		